

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 57/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 24-9-2020

V/v: Ly hôn giữa chị T và anh N

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tạ Thị Xuân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Kiệt
2. Bà Huỳnh Phương Lan

Thư ký phiên tòa: Ông Lý Văn Toán – Thư ký Toà án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Ông Lâm Sển - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 237/2020/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 6 năm 2020, về tranh chấp ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 62/2020/QĐXX-ST ngày 08 tháng 9 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Phạm Thị Thu T, sinh năm 1996 (Có mặt)

Địa chỉ: Khu phố X, phường B, thành phố H, tỉnh Kiên Giang.

2. Bị đơn: Anh Ngô Bé N, sinh năm 1994

Địa chỉ: Ấp V, xã V, huyện C, tỉnh Kiên Giang.

(Anh N có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Phạm Thị Thu T trình bày:

- Về hôn nhân: Vào năm 2017, chị Phạm Thị Thu T và anh Ngô Bé N quen biết và tiến tới hôn nhân, có tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn tại UBND xã V, huyện C, tỉnh Kiên Giang và được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 11-7-2017.

Những năm đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, thời gian sau vợ chồng luôn xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do anh N không lo làm ăn, chăm sóc vợ con và anh N cũng có một vài lần dùng bạo lực đối với chị T, chị T đã cố gắng chịu đựng và hàn gắn tình cảm để lo cho con nhưng không có kết quả, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Chị T và anh N đã sống ly thân từ tháng 6 năm 2018 cho đến nay.

Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị T yêu cầu được ly hôn với anh Ngô Bé N.

- Về con chung: Chị Phạm Thị Thu T và anh Ngô Bé N có 01 con chung tên Ngô Thiên A, sinh ngày 02-01-2018, chị T yêu cầu được nuôi con chung, chị không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị T xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Ngô Bé N trình bày tại bản tự khai: Anh N thống nhất với chị T về hôn nhân cũng như về con chung; về tài sản chung và nợ chung không có là đúng. Nay chị T xin ly hôn, anh N cũng đồng ý ly hôn.

- Về con chung: Anh N đồng ý giao con chung tên Ngô Thiên A, sinh ngày 02-01-2018 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, anh không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Anh N xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa anh N có đơn xin vắng mặt.

** Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:*

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký: Thực hiện đúng quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Thời hạn chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử: Đúng quy định tại Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của nguyên đơn chị Phạm Thị Thu T đối với bị đơn anh Ngô Bé N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, sau khi nghị án, Tòa án nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Anh Ngô Bé N có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa. Do vậy, căn cứ Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Phạm Thị Thu T và anh Ngô Bé N chung sống với nhau vào năm 2017 trên cơ sở hôn nhân hoàn toàn tự nguyện và được Ủy ban nhân dân xã V, huyện C, tỉnh Kiên Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 11-7-2017, đây là hôn nhân hợp pháp.

[3] *Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Phạm Thị Thu T:* Vợ chồng chị T và anh N không còn thương yêu, quý trọng, quan tâm, chăm sóc và giúp đỡ nhau nữa, thể hiện qua lời trình bày của chị T tại Tòa án: Chị T và anh N có nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do anh N không lo làm ăn, chăm sóc vợ con và anh N còn dùng bạo lực đối với chị T, chị T đã cố gắng chịu đựng và hàn gắn tình cảm để lo cho con

nhưng không có kết quả, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Toà án xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị T và anh N đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Mặt khác, anh N cũng đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị T. Vì vậy, yêu cầu của chị T xin ly hôn với anh N là có căn cứ để chấp nhận.

[4] *Về nuôi con chung*: Chị T và anh N có 01 con chung tên Ngô Thiên A, sinh ngày 02-01-2018, chị T yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung, không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con vì chị có thu nhập ổn định, đủ điều kiện kinh tế nuôi con được.

Xét thấy, từ thời gian chị T và anh N sống ly thân cho đến nay, cháu A vẫn do một mình chị T chăm sóc, nuôi dưỡng tốt. Bên cạnh đó, anh N cũng có ý kiến đồng ý giao cháu A cho chị T nuôi dưỡng. Do đó, Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận yêu cầu của chị T được tiếp tục nuôi cháu A. Chị T không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] *Về tài sản chung và nợ chung*: Chị T và anh N đều xác nhận không có tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Thống nhất ý kiến của Kiểm sát viên về quan điểm giải quyết vụ án như đã phân tích và nhận định trên.

[7] *Về án phí*: Chị T là nguyên đơn trong vụ án, do đó chị phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm với số tiền là 300.000 đồng theo quy định tại Nghị quyết về án phí, lệ phí Toà án và tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 28, 147, 227, 228 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
Áp dụng khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Phạm Thị Thu T và anh Ngô Bé N.
2. Về nuôi con chung: Giao cháu Ngô Thiên A, sinh ngày 02-01-2018 cho chị Phạm Thị Thu T trực tiếp nuôi dưỡng, chị T không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không xem xét.
Anh Ngô Bé N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.
3. Về tài sản chung và nợ chung: Do đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.
4. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Phạm Thị Thu T phải nộp 300.000 đồng nhưng chị T được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo

biên lai thu số 0002378 ngày 20-5-2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang, chị T không phải nộp thêm.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014”.

5. Quyền kháng cáo: Chị Phạm Thị Thu T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Ngô Bé N vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THA dân sự huyện Châu Thành;
- Lưu hồ sơ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký)

Tạ Thị Xuân